

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Huy Sơn

Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 303/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tiết M, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn D, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm O, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/7/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Tiết M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn D được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2009, sau khi cưới thì hai vợ chồng lên thành phố làm ăn và sinh sống, sau khi hai vợ chồng xảy ra lục đục thì chị M mới về nhà mẹ ruột của chị M tại địa chỉ cư trú hiện nay sinh sống khoảng 05 tháng nay và đã ly thân với anh D từ tháng 6/2024 đến nay. Chị M và anh D đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu thì vợ chồng chị M sống rất hạnh phúc, sau thời gian

phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị M và anh D cũng đã được gia đình hai bên hàn gắn lại nhưng không thể hàn gắn được nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, chị M đã hết tình cảm với anh D, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nên chị M nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn D. Đồng thời xin được vắng mặt khi xét xử.

Về con chung: Chị M và anh Nguyễn D có con chung tên Nguyễn Q, sinh ngày 14/9/2011, hiện nay cháu Q đang sống với chị M và chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn kiện chị M yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng tại biên bản lấy lời khai lập ngày 14/11/2024 xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn D lập ngày 15/11/2024, anh D trình bày:

Anh là người bị kiện trong vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với người khởi kiện chị Tiết M, địa chỉ Khóm D, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau. Anh yêu cầu được xem xét giải quyết vắng mặt anh. Lý do hiện nay anh đang đi làm xa nên không có điều kiện đến tham gia mỗi khi Tòa án triệu tập giải quyết ly hôn, nuôi con giữa anh và vợ anh Tiết M. Mọi yêu cầu ly hôn của vợ anh nêu trong đơn kiện anh đã có xem qua và anh D thống nhất theo nội dung đơn kiện của vợ anh.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đều vắng mặt và đều có yêu cầu xin vắng mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 14/9/2011 cho anh D nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh D theo quy định của pháp luật. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tiết M và bị đơn anh Nguyễn D vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1

Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tiết M và anh Nguyễn D là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 18/8/2015 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa anh D và chị M, theo chị M cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đã không còn, anh D và chị M đã ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2024 đến nay nên chị M nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D. Anh D cũng có ý kiến thống nhất mọi yêu cầu ly hôn theo đơn kiện của chị M. Xét thấy, nền tảng của mỗi quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của anh D và chị M đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, anh D và chị M đã ly thân với nhau, hiện nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn, tình trạng mâu thuẫn giữa anh D và chị M là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M, cho chị M được ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị Tiết M và anh Nguyễn D có một con chung là cháu Nguyễn Q, sinh ngày 14/9/2011, chị M yêu cầu nuôi con chung, anh D trình bày thống nhất mọi yêu cầu ly hôn với chị M theo đơn khởi kiện; cháu Q đã hơn 07 tuổi cũng có nguyện vọng được sống với chị M sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Như vậy, giữa anh D và chị M cũng đã thống nhất với nhau về việc ai là người nuôi dưỡng con chung. Để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu Q đồng thời không làm ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q cho nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Q cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho anh D không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị M rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy việc rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Tiết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000

đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005324 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Anh Nguyễn D không phải chịu án phí.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tiết M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Tiết M được ly hôn với anh Nguyễn D.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Q, sinh ngày 14/9/2011 cho chị Tiết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Nguyễn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị Tiết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005324 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Anh Nguyễn D không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường A, thị xã N;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng